

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/06/2023
V/v “T/c Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần X Thành

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐST ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Viết L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm 4, xã KS, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; Nơi ĐKKH trước khi xuất cảnh: Xóm 11, xã KS, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X. Địa chỉ: Xóm 5, xã KS, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ông Phạm Viết L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KS, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vào 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sau đó bà M bỏ về ngoại và đi nước ngoài từ năm 2012 cho đến nay bà M cắt hết mọi liên lạc với ông. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có con chung 01 là cháu Phạm Viết P sinh ngày 17/09/2011 hiện cháu đang ở với bà Nguyễn Thị X (chị gái của bà M) tại xóm 5, xã KS, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn ông L có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bà Nguyễn Thị M: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án...cho bà Nguyễn Thị M thông qua bà Nguyễn Thị X là chị gái của bà M; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện bà Nguyễn Thị M vẫn vắng mặt không có lý do. Theo trình bày của bà X thì bà M có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói địa chỉ hiện tại của bà M ở đâu và bà M cũng biết việc ông L làm đơn ly hôn tại Tòa án, bà M cũng đồng ý ly hôn. Hiện nay bà X đang nuôi con cho ông L và bà X, nếu ông L và bà M ly hôn thì bà không yêu cầu ông L, bà M trả tiền cấp dưỡng cháu Phi từ khi bà nuôi cho đến nay và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Phạm Viết L, cho ông L được ly hôn với bà Nguyễn Thị M; giao con chung của vợ chồng cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị M có địa chỉ cư trú tại xã KS, huyện ND, tỉnh Nghệ An; bà M hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản cho bà Nguyễn Thị X, đề nghị bà X thông báo cho bà M biết về yêu cầu khởi kiện của ông L. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa, tại nơi cư trú của bà M trước khi đi nước ngoài và yêu cầu cung cấp địa chỉ cụ thể của bà M ở Đài Loan nhưng bà X không cung cấp được. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần đối với bà M nhưng bà M vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phạm Viết L có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Viết L vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị M và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. Xét thấy, ông Phạm Viết L và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sau đó bà M bỏ về ngoại và đi nước ngoài từ năm 2012 cho đến nay bà M cắt hết mọi liên lạc với ông. Hiện tại vợ chồng xa cách lâu ngày, không còn tình cảm, khi biết ông L làm đơn ly hôn, bà M cũng đã đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà M không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Viết L. Căn cứ khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho ông Phạm Viết L và bà Nguyễn Thị M được ly hôn.

[3.2] Về con chung: Ông L và bà M có một con chung cháu Phạm Viết P, sinh ngày 17/09/2011 hiện cháu đang ở với bà Nguyễn Thị X chị gái của bà M. Bà M đang ở nước ngoài chưa có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung, nên cần giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp.

Đối với công chăm sóc cháu Phạm Viết P của bà Nguyễn Thị X, do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3.3]. Về cấp dưỡng: Hiện ông L chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét. Anh Tự có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Tài sản chung, nợ: Ông Phạm Viết L, chưa yêu cầu giải quyết, bà M chưa có ý kiến. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Ông Phạm Viết L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Viết L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Viết L được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

[2]. Về nuôi con chung:

[2.1]. Giao con chung cháu Phạm Viết P, sinh ngày 17/09/2011 cho ông Phạm Viết L trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Viết L chưa yêu cầu bà M chưa có ý kiến. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án, buộc ông Phạm Viết L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên L số 0012706 ngày 28/02/2023.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Ông Phạm Viết L, bà Nguyễn Thị X vắng mặt có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị M đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã KS, huyện NĐ, tỉnh Nghệ

An;

- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường